

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày 12/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Hương

Bà La Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Diệu - Kiểm sát viên.

TrO g ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Bàn Đào P - Tên gọi khác: Không có

Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1985 tại tỉnh Cao Bằng

HKTT: Xóm R, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cO ông Bàn Văn L và bà Bàn Mùi P; chung sống như vợ chồng với Phùng Mùi M; có 02 cO chung với Lý Mùi K (cO lớn sinh năm 2001, cO nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Văn Tạ - Trợ giúp viên pháp lý của

Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Bàn Quày O, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt)

2. Đặng Phụ K, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

3. Đặng Mùi D, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt)

4. Hoàng Văn S, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

5. Bàn Hữu X, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

6. Đặng Phụ S1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

7. Đặng Đào C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

8. Hoàng Tiến T1, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt)

9. Đặng Tồn S2, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

10. Đặng Phụ V, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt)

11. Hoàng Văn T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Khuổi K, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

12. Hoàng Nguyên S3, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn K, xã V huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

13. Triệu Văn S4, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Nà Pái, xã Vi Hương, huyện B tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

14. Phùng Mùi M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt)

15. Lý Mùi D1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 02 và tháng 3 năm 2019 (khoảng tháng 01 và tháng 02 năm 2019 âm lịch). Bàn Đào P, sinh năm 1985, đăng ký HKTT tại Xóm R, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng; tạm trú tại Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã 03 lần tổ chức đưa người dân địa phương huyện B, tỉnh Bắc Kạn, trốn sang Trung Quốc để làm thuê, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 08/02/2019, Bàn Quầy O, sinh năm 1972, trú tại thôn Đ, xã V, huyện B, đến nhà Bàn Đào P tại thôn N, xã V, huyện B chơi tết. TrO g lúc nói chuyện, O có nói với P là sau tết sẽ đi tìm công việc để làm thuê kiếm tiền, nên P có nói với O là đã nhiều lần sang Trung Quốc làm thuê, được chủ người Trung Quốc trả lương cao, ra tết P sẽ sang Trung Quốc làm thuê (chặt mía) nên O đã xin P cho đi cùng và được P đồng ý.

Ngày 09/02/2019 Đặng Phụ K, sinh năm 1983, trú tại Thôn P, xã S, huyện Bạch Thông đến nhà P chơi tết, P nói với K là P chuẩn bị sang Trung Quốc làm thuê nếu ai muốn đi cùng thì ngày 10/02/2019 tập trung tại ngã ba đỉnh Đèo Giàng. Sau đó, K về nhà kể lại cho con gái là Đặng Mùi D, sinh năm 2000; con rể là Hoàng Văn S, sinh năm 1997; Bàn Hữu X, sinh năm 1984 và Đặng Phụ S1, sinh năm 1977, cùng trú tại Thôn P, xã S, huyện Bạch Thông. Do muốn có việc làm, nên S, D, X, S quyết định đi theo P sang Trung Quốc làm thuê. Đến khoảng 09 giờ ngày 10/02/2019 Bàn Đào P được Phùng Mùi M sinh năm 1982 (sống chung như vợ chồng với P) và Bàn Quầy O được vợ là Phùng Mùi S chở bằng xe máy từ xã V đến khu vực ngã ba đỉnh Đèo Giàng như đã hẹn trước đó để đón xe khách lên Cao Bằng. Khi đến bến xe thành phố Cao Bằng, P tiếp tục tìm xe khách khác cho mọi người đi đến cửa khẩu T, huyện P, tỉnh Cao Bằng. Tiền xe khách từ Đèo Giàng đến thành phố Cao Bằng là 70.000 đồng/người và tiền xe khách từ thành phố Cao Bằng đến cửa khẩu T là 40.000 đồng/người, những người đi tự trả tiền cho nhà xe.

Tại cửa khẩu T, Hoàng Văn S có gặp Đặng Đào C, sinh năm 1993, trú tại Thôn P, xã S, huyện B đang làm thuê tại cửa khẩu T. Qua nói chuyện C biết San đi theo P sang Trung Quốc làm thuê nên C đã xin P cho đi cùng và được P đồng ý. Sau đó, P dẫn 06 (sáu) người trên đi bộ theo lối mòn đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc rồi thuê bè cho mọi người qua sông sang Trung Quốc, tiền bè qua sông là 40.000đ/người, những người đi tự trả tiền cho người lái bè. Trên đường đi, P gọi điện thoại cho ông chủ người Trung Quốc tên Sin Sung đến đón. Tại bên kia bờ sông Sin Sung đưa ô tô đến đón P cùng những người đi cùng P đến tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc (không rõ vị trí cụ thể) để làm thuê với công việc là

chặt mía. Tiền xe ô tô từ biên giới thuộc địa phận Trung Quốc đến nơi làm thuê, thì Sin Sung tạm ứng trả trước cho lái xe, sau đó sẽ trừ vào tiền công của từng người.

Lần thứ hai: Trong thời gian làm thuê tại Trung Quốc, qua nói chuyện với Bàn Hữu X, Bàn Đào P biết Hoàng Tiến T1, sinh năm 2002; Đặng Tồn S2, sinh năm 1996; Đặng Phụ V, sinh năm 1983, cùng trú tại Thôn P, xã S, huyện Bạch Thông; Hoàng Văn T1, sinh năm 1989; Hoàng Nguyên S3, sinh năm 1962, cùng trú tại thôn K, xã V, huyện B, và Triệu Văn S4, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã V, huyện B muốn sang Trung Quốc làm thuê nên P đã nói với Sin Sung và Sin Sung có đưa cho P 100 NDT (một trăm Nhân dân tệ) tương đương khoảng 300.000đ (ba trăm nghìn Việt Nam đồng) để P về Việt Nam đón người. Ngày 01/3/2019, P về Việt Nam rồi sử dụng điện thoại di động lắp số thuê bao 0947532854 gọi cho Sênh để Sênh gọi cho những người muốn sang Trung Quốc làm thuê và bảo những người này chuẩn bị tư trang cá nhân rồi sáng sớm ngày 02/3/2019 có mặt tại ngã ba đỉnh Đèo G đi Trung Quốc.

Khoảng 08 giờ ngày 02/3/2019, Bàn Đào P và Triệu Văn S4 đón xe khách từ ngã ba thị trấn P, huyện B lên đến ngã ba đỉnh Đèo G, P bảo lái xe dừng xe để T, S1, V, S2, T lên xe cùng đi. Sau đó, P đưa những người nêu trên theo đường cũ sang Trung Quốc. Tiền xe ô tô và tiền bè đi sang Trung Quốc lần thứ hai cũng đều do cá nhân tự chi trả, còn tiền xe ô tô đi từ biên giới Trung Quốc đến nơi làm thuê Sin Sung vẫn tạm ứng trả trước, rồi sau đó sẽ trừ vào tiền công của mỗi người.

Khoảng cuối tháng 3 năm 2019, do không có nhu cầu làm thuê nữa nên Bàn Quỳ O, Đặng Phụ S1, Hoàng Văn S, Đặng Mùi D, Bàn Hữu X, Đặng Đào C, Hoàng Tiến T1, Đặng Tồn S2, Đặng Phụ V, Hoàng Văn T1, Hoàng Nguyên S3 và Triệu Văn S4 đã xin nghỉ và được ông chủ người Trung Quốc bố trí người đưa về đến biên giới Việt Nam. Sau đó, những người trên tự đón xe khách để về nhà tại huyện Bình Bắc Kạn.

Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 3/2019, khi đang ở Trung Quốc làm thuê P gọi điện thoại về cho Phùng Mùi M (sống chung như vợ chồng với P) bảo Man cùng cO gái riêng của M là Lý Mùi D1, sinh năm 2000 cùng sang Trung Quốc làm thuê với P thì được M và D đồng ý. Đến ngày 17/3/2019, P dùng điện thoại di động gọi hướng dẫn cho M và D đến địa phận Trung Quốc thì P đến đón rồi đưa hai người đến chỗ Sin Sung để làm thuê (chặt mía). Đến ngày 08/4/2019, do không có nhu cầu làm thuê nữa nên Bàn Đào P và Phùng Mùi M cùng nhau trở về Việt Nam. Còn Lý Mùi D1, đến ngày 28/4/2019 mới trở về Việt Nam.

Tại Cơ quan điều tra, Bàn Đào P khai nhận: Do biết được người đàn ông Trung Quốc tên Sin Sung muốn tìm lao động chặt mía thuê nên khoảng tháng 01 và tháng 02 năm 2019 âm lịch P được rủ những người trên trốn sang Trung Quốc

để làm thuê (chặt mía) cho Sin Sung. Cụ thể: P là người quyết định thời gian, địa điểm tập trung, hướng dẫn những người này đón xe, thuê bè, dẫn đường cho họ trốn sang Trung Quốc. Trong quá trình trốn sang Trung Quốc, P đã gọi điện cho Sin Sung để Sin Sung bố trí xe ô tô đến biên giới Trung Quốc đón P và những người cùng đi với P đến chỗ làm thuê. Bản thân P không được hưởng lợi từ việc đưa những người này sang Trung Quốc, mục đích P tổ chức đưa những người này sang Trung Quốc là để làm thuê. Ngoài ra, P còn khai Bàn Quỳ O là người đã giới thiệu và cho P số điện thoại của Sin Sung để P liên lạc đưa những người trên trốn sang Trung Quốc làm thuê. Bản thân O còn được Sin Sung cho 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) vì đã giúp tìm người sang Trung Quốc làm thuê cho Sin Sung. Số tiền 100 NDT (một trăm Nhân dân tệ) tương đương khoảng 300.000 đồng (ba trăm nghìn Việt Nam đồng) là Sin Sung cho P để P giúp tìm người làm thuê cho Sin Sung. Về chiếc điện thoại P sử dụng để liên lạc, tổ chức cho những người nêu trên sang Trung Quốc, P đã làm mất.

Đối với 14 người P đưa sang Trung Quốc để làm thuê, qua quá trình điều tra đều khai nhận nếu không có P dẫn đường vượt biên sang biên giới thì họ không biết đường sang Trung Quốc và cũng không quen biết ông chủ người Trung Quốc để đến làm thuê chặt mía.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-P1 ngày 16/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Bàn Đào P về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm a khoản 3, Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tổ chức... cho người khác trốn đi nước ngoài...trái phép,nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. ...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Đối với 11 người trở lên;

....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo khẳng định bị cáo chính là người dẫn đường đưa 14 người vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo mới dẫn những người này sang Trung Quốc làm thuê, bị cáo không được hưởng lợi gì từ những người này. Mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bàn Đào P phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo là hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào nên không xem xét.

Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa tại phiên tòa: Người bào chữa cho bị cáo khẳng định việc truy tố, xét xử bị cáo Bàn Đào P về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 07 (bảy) năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều trình bày: P là người trực tiếp dẫn đường đưa họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê như bị cáo đã khai tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc những người này sang Trung Quốc làm thuê là tự nguyện, do nhu cầu cá nhân muốn kiếm thêm thu nhập trO g lúc nông nhàn. Những người này biết P đi làm thuê nên muốn xin đi cùng, Hơn nữa P không thu thêm khoản tiền nào của những người này do vậy mong HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trO g hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trO g quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian tháng 02 và tháng 3 năm 2019 Bàn Đào P, sinh năm 1985, đăng ký HKTT tại Xóm R, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng; tạm trú tại Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã 03 lần rủ rê, sắp xếp, bố trí thời gian, địa điểm tập trung đón xe ô tô khách dẫn đường cho 14 người dân tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn đi đến cửa khẩu T, tỉnh Cao Bằng rồi trốn sang Trung Quốc để làm thuê.

Với hành vi nêu trên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Bàn Đào P về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạm tội “*Đối với 11 người trở lên*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ lại sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trong vụ án này thực tế bị cáo đi sang Trung Quốc làm thuê là để mưu sinh do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Những người liên quan trong vụ án được bị cáo đưa đi làm thuê đều là người quen muốn xin đi cùng để làm thuê, bị cáo không có mục đích kiếm lời từ

việc đưa người lao động sang Trung Quốc làm thuê. Do vậy, HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc các tình tiết này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do bị cáo 03 lần đưa người vượt biên sang Trung Quốc nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“phạm tội hai lần trở lên”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Đánh giá quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: HĐXX thấy với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên người bào chữa đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo là có căn cứ cần được xem xét.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo là hộ nghèo sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Bị cáo phạm tội không nhằm mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Xem xét, đánh giá đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với Bàn Quầy O theo lời khai của Bàn Đào P, O là người giới thiệu và cho số điện thoại của Sin Sung cho P. Ngoài ra, O còn được Sin Sung cho 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) vì đã giúp tìm người sang Trung Quốc làm thuê cho Sin Sung. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất kết quả O không thừa nhận có sự việc trên. Do đó, không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với O .

Đối với Bàn Hữu X là người nói cho P biết việc một số người dân ở Việt Nam muốn sang Trung Quốc làm thuê. Tuy nhiên, sau đó P tổ chức cho những người này trốn sang Trung Quốc như thế nào thì X không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với X là có căn cứ.

Đặng Phụ K là người đến nhà P chơi, sau đó kể lại thông tin bên Trung Quốc có việc làm cho nhiều người khác biết để đi Trung Quốc. Qua điều tra xác định K không tham gia tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Do đó, không xem xét xử lý hình sự đối với K là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thành N là người lái xe khách 11K-3444 chở Bàn Đào P và những người dân ở huyện B, tỉnh Bắc Kạn đến thành phố Cao Bằng vào ngày 10/02/2019, sau đó họ đi đến cửa khẩu T rồi trốn sang Trung Quốc làm thuê. Qua

điều tra xác định Nam không quen biết Bàn Đào P, không biết việc P và những người trên đi xe khách đến thành phố Cao Bằng với mục đích để trốn sang Trung Quốc. Do đó, không xem xét xử lý hình sự đối với Nam là có căn cứ.

Đối với người lái xe khách chở P và những người dân ở huyện Bạch Thông đến thành phố Cao Bằng ngày 02/3/2019, sau đó họ đi đến cửa khẩu T rồi trốn sang Trung Quốc làm thuê. Qua điều tra, không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Sin Sung, qua trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

Đối với những người cùng Bàn Đào P trốn đi nước ngoài trái phép, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai và đề nghị xử lý hành chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ là có căn cứ.

[8]. Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Bàn Đào P : 01 (một) giấy phép lái xe số 040163002217; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 085704894 những vật chứng trên không liên quan đến vụ án trả lại cho bị cáo Bàn Đào P .

Đối với 01 (một) sim điện thoại di động mạng Vinaphone, có dòng số “098402000”, “10934709023”. Không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Bàn Đào P là tiền do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bàn Đào P phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bàn Đào P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 21/8/2019.

2. Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Bàn Đào P là tiền do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Bàn Đào P: 01 (một) giấy phép lái xe số 040163002217; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 085704894;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại di động mạng Vinaphone, có dòng số “098402000”, “10934709023”.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận ngày 21/01/2020 giữa Cơ quan An ninh điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1;
- VKSND tỉnh;
- VKSND cấp cao tại HN;
- Phòng hồ sơ - CAT;
- Phòng ANĐT - CAT;
- Trại tạm giam CAT;
- Bị cáo (Qua TTG);
- THAHS;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Chu Đức Quế

